

TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN BA ĐÌNH
THÀNH PHỐ HÀ NỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 143/2023/HNGĐ-ST
Ngày 06 tháng 3 năm 2023
V/v Tranh chấp hôn nhân và gia đình

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN BA ĐÌNH

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đồng Thị Lai.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lương Thị Phương

2. Bà Nguyễn Thị Thụy

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Cao Thị Thanh Huyền -Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Ba Đình tham gia phiên tòa:

Bà Nguyễn Thị Thanh Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 3 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Ba Đình xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 57/TLST- HNGĐ ngày 06/02/2023 về tranh chấp hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 37/2023/QĐXX-HNGĐ ngày 17 tháng 02 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 31/2023/QĐST- HNGĐ ngày 01 tháng 3 năm 2023 giữa:

Nguyên đơn: Chị Hà Thị N, sinh năm 1982.

HKTT: Số 3 phố Linh Lang, phường Cống Vị, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội.

Nơi ở: 1035 đường Hồng Hà, phường Chương Dương, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội.

Bị đơn: Anh Bùi Quang T, sinh năm 1982.

HKTT và nơi ở: Số 3 phố Linh Lang, phường Cống Vị, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội.

(Chị N có mặt, anh T vắng mặt).

NHẬN THẤY:

Theo đơn khởi kiện ngày 24/11/2022 và các bản tự khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa nguyên đơn là chị Hà Thị N trình bày:

Chị và anh Bùi Quang T có tìm hiểu nhau và tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 01/11/2011 tại UBND phường Cống Vị, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội.

Sau khi kết hôn vợ chồng chị chung sống tại số 3 phố Linh Lang, phường Cống Vị, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội, đây là nhà bố mẹ đẻ của anh T.

Quá trình chung sống chị và anh T sống hạnh phúc đến năm 2016 thì xảy ra mâu thuẫn do tính cách không hợp nhau. Chị nhận thấy vợ chồng không còn tiếng nói, thường xuyên cãi nhau, không còn hòa hợp nên chị và anh T quyết định ly

thân từ ngày 16/9/2016, mỗi người ở một nơi, anh T đang ở cùng với bố mẹ tại số 3 phố Linh Lang, còn chị đi thuê trọ nơi khác.

Nay thời gian ly thân đã lâu, anh chị không còn quan tâm đến nhau không liên hệ để giải quyết khúc mắc, không sống chung, thậm chí không có số điện thoại của nhau. Bản thân chị nhận thấy chị cũng không còn tình cảm với anh T, hai người duy trì mối quan hệ hôn nhân trên giấy tờ là không cần thiết, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị xin ly hôn anh T để chị và anh T có cơ hội xây dựng cuộc sống mới.

Về con: Chị và anh T có 01 con chung là Bùi Quang D, sinh ngày 31/8/2012. Con chung đang ở cùng anh T từ khi chị và anh T ly thân, chị không mang con theo do công việc của chị không ổn định và chị đi thuê nhà, không có nhà ở cố định, thỉnh thoảng chị mới gặp cháu ở trường, để đảm bảo điều kiện sống tốt N cho con chung nên chị đồng ý để anh T chăm sóc, nuôi dưỡng con chung. Chị đóng góp tiền nuôi con chung là 2.000.000 đồng/tháng.

Về tài sản chung: Chị và anh T không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về công nợ: Chị và anh T không vay nợ ai, không cho ai vay nợ, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn là anh Bùi Quang T: Được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên anh T không đến Tòa án nên không có lời khai của anh T.

Tại phiên tòa:

Chị N vẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn với anh T.

Anh T vắng mặt tại phiên tòa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Ba Đình tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của họ theo quy định của pháp luật.

Về việc giải quyết vụ án: Tài liệu có trong hồ sơ vụ án cho thấy mâu thuẫn vợ chồng chị N và anh T đã trầm trọng, không có khả năng hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị N, cho chị N ly hôn anh T.

Giao con chung cho anh T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, chị N đóng góp tiền nuôi con chung là 2.000.000đ/tháng. Về tài sản và nhà ở: Chị N và anh T không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Chị N phải chịu 300.000 đồng án phí.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về việc vắng mặt đương sự:

Anh Bùi Quang T đã được tổng đạt hợp lệ phiên tòa đến lần thứ hai nhưng anh T vẫn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Như vậy, việc vắng mặt của anh T được xem là từ bỏ quyền trình bày, đưa ra ý kiến chứng minh để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình. Căn cứ Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2]. Về nội dung:

Chị Hà Thị N và anh Bùi Quang T kết hôn trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Cống Vị, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội ngày 01/11/2011. Đây là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc được thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng đã sống ly thân mỗi người một nơi từ năm 2016 cho đến nay không quan tâm đến nhau.

Xét thấy, cuộc hôn nhân của chị N và anh T không có khả năng hàn gắn, mâu thuẫn đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt. Do đó căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình cho chị N ly hôn anh T.

Về con chung: Chị N và anh T có 01 con chung là Bùi Quang D, sinh ngày 31/08/2012.

Do công việc của chị N không ổn định và chị đi thuê nhà, không có nhà ở cố định, chị N đề nghị anh T nuôi con và chị đóng góp tiền nuôi con chung là 2.000.000 đồng/tháng.

Xét thấy, việc giao con chung cho ai chăm sóc nuôi dưỡng phải căn cứ vào quyền và lợi ích của con, từ khi chị N sống ly thân với anh T thì cháu D ở với anh T và cháu khỏe mạnh.

Bà Hà Thị Thành là mẹ đẻ của anh T, đại diện gia đình anh T cũng có ý kiến khi anh T và chị N ly thân thì cháu Bùi Quang D được chị N để lại cho anh T nuôi dưỡng từ bé, cháu vẫn khỏe mạnh và gia đình bà cũng có khả năng giúp đỡ anh T chăm sóc, nuôi dưỡng cháu, nay chị N xin ly hôn và đề nghị để anh T nuôi dưỡng cháu thì gia đình cũng đồng ý. Do anh T công việc bận nên không có thời gian đến Tòa án.

Cháu D có nguyện vọng xin được ở với bố, do đó, giao cháu D cho anh T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Chị N đóng góp nuôi con chung là 2.000.000 đồng/tháng, kể từ tháng 3 năm 2023 cho đến khi con chung thành niên hoặc có sự thay đổi khác. Chị N có quyền, nghĩa vụ thăm nom chăm sóc con chung không ai được cản trở.

Về tài sản và nhà ở: Chị N và anh T không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xem xét.

Về án phí: Chị N phải chịu 300.000 đồng án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo: Chị N có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh T vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa phù hợp với nhận định của Tòa án nên được chấp nhận.

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng Điều 56, 58; 59; 81; 82; 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

Áp dụng các Điều 28; 144; 147; 227; 271; 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Xử:

1, Chấp nhận đơn xin ly hôn của chị Hà Thị N.

Chị Hà Thị N ly hôn anh Bùi Quang T.

2, Về con chung: Chị Hà Thị N và anh Bùi Quang T có 01 con chung là Bùi Quang D, sinh ngày 31/08/2012.

Giao con chung cho anh Bùi Quang T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Chị Hà Thị N đóng góp tiền nuôi con chung là 2.000.000 đồng/tháng kể từ tháng 3 năm 2023 cho đến khi con chung thành niên hoặc có sự thay đổi khác.

Chị Hà Thị N có quyền đi lại, thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở.

3, Về tài sản và nhà ở: Chị Hà Thị N và anh Bùi Quang T không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xem xét.

4, Về án phí: Chị Hà Thị N phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Được trừ 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0002802 ngày 19/12/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Ba Đình.

Chị N có mặt, có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án

Anh T vắng mặt, có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND quận Ba Đình;
- Chi cục THA DS quận Ba Đình;
- TAND TP. Hà Nội;
- UBND phường Cống Vị;
- Các đường sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đã ký